

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/DS-ST
Ngày: 18 - 7 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp;
2. Bà Thị Amina

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1986;

Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, vắng mặt.

2.2. Chị Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1991;

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Tổ 3, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Xuân L**, sinh năm 1969.

Địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông L: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. (văn bản ủy quyền ngày 07/6/2018), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2017 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Anh Nguyễn Hoàng A và chị Nguyễn Thị Hồng C bắt đầu tham gia các dây hụi do bà làm thảo hụi từ tháng 9 năm 2011 đến năm 2014.

Anh Hoàng A, chị C tham gia dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 09/3/2014 do bà làm thảo hụi, hụi gồm 15 phần (08 hụi viên), anh Hoàng A và chị C tham gia 01 phần, hốt hụi ở kỳ thứ 1, kêu hụi 700.000 đồng, bà chỉ nhớ số tiền hốt hụi là 32.200.000 đồng, trừ tiền hoa hồng cho thảo hụi (cò) là 1.500.000 đồng, thực nhận 30.700.000 đồng. Khi bà đăng hụi, anh Hoàng A và chị C có ký nhận bằng “Biên nhận mượn tiền ký nợ nhận” ngày 09/3/2014. Sau khi hốt hụi, anh Hoàng A và chị C không đóng cho bà được kỳ hụi nào, nên còn nợ bà 14 kỳ hụi chết, thành tiền là $14 \times 3.000.000 = 42.000.000$ đồng. (Trong đơn khởi kiện bà trình bày còn nợ 15 kỳ là sai, do bà tính nhầm).

Ngoài ra, năm 2011 anh Hoàng A và chị C có tham gia chơi hụi tháng 2.000.000 đồng và còn nợ bà 800.000 đồng tiền hụi chết, dây hụi này đã lâu nên bà không còn nhớ rõ cụ thể, cũng không còn giữ bất cứ giấy tờ gì liên quan, chỉ có chốt nợ lại trong giấy “Biên nhận mượn tiền ký nợ nhận” ngày 09/3/2014, phần khoanh tròn ghi nội dung “còn thiếu 800.000 đồng”.

Tổng cộng anh Hoàng A và chị C còn nợ bà số tiền hụi là 42.800.000 đồng.

Do bà thường xuyên cho vay tiền và làm thảo hụi nên có những mẫu giấy nợ in sẵn, do hết mẫu giấy đăng hụi nên bà dùng giấy vay tiền đưa anh Hoàng A viết vào, nội dung của “Biên nhận mượn tiền ký nợ nhận ngày 09/3/2014” thể hiện là vay tiền nhưng bản chất là tiền hụi, có ghi hoàn trả trong vòng 15 tháng, đó là 15 kỳ hụi của dây hụi. Ngoài ra phía dưới phần người cho mượn trong “Biên nhận mượn tiền ký nợ nhận ngày 09/3/2014” có ghi cách tính hụi để đăng hụi. Trong giấy nợ có chữ ký của bà Gái là mẹ của anh Hoàng A, việc ghi tên chỉ có ý nghĩa bà Gái chứng kiến việc bà đăng hụi cho anh Hoàng A và chị C, chứ bà Gái không liên quan đến phần hụi của anh Hoàng A và chị C.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu anh Hoàng A và chị C trả số tiền nợ hụi năm 2011 là 800.000 đồng, dây hụi khui ngày 09/3/2014 là 42.000.000 đồng, tổng cộng là 42.800.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày mãn hụi 09/5/2015 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,9%/tháng.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng A và chị Nguyễn Thị Hồng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 12 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân L trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị T, ông thống nhất theo ý kiến, yêu cầu của bà T, không trình bày ý kiến bổ sung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Anh Nguyễn Hoàng A và chị Nguyễn Thị Hồng C là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng A và chị C là có căn cứ.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP Ngày 27/11/2006; các Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối anh Nguyễn Hoàng A. Buộc anh Hoàng A có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ hui 42.800.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng C cùng có trách nhiệm với anh Nguyễn Hoàng A trả số tiền hui trên.

Anh Nguyễn Hoàng A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ biên bản xác minh ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại Công an xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh thấy rằng: Chị Nguyễn

Thị Hồng C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh nhưng sau khi ly hôn với anh Hoàng A đã vắng mặt tại địa phương từ 02 đến 03 năm nay. Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện (bà Nguyễn Thị T) đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú người bị kiện (chị Nguyễn Thị Hồng C) địa chỉ được ghi trong Giấy mượn tiền ký nợ nhận ngày 09 tháng 3 năm 2014 nên được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”. Trong vụ án này người bị kiện (chị Nguyễn Thị Hồng C) thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng góp hụi mà không thông báo cho bà T biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định nên được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ, đúng pháp luật, xác định nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú cuối cùng của chị C là tại tổ 3, ấp 4, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Anh Nguyễn Hoàng A và chị Nguyễn Thị Hồng C là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng A và chị C.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hoàng A và chị Nguyễn Thị Hồng C trả số tiền nợ hụi dây hụi tháng 2.000.000 đồng năm 2011 là 800.000 đồng, dây hụi tháng khai ngày 09/3/2014 là 42.000.000 đồng, tổng cộng nợ hụi gốc bà yêu cầu anh Hoàng A và chị C phải trả cho bà là 42.800.000 đồng. Xét yêu cầu anh Hoàng A và chị C trả số tiền 42.800.000 đồng của bà T thấy rằng: Anh Hoàng A có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng khai ngày 09/3/2014 do bà T, ông L làm thảo hụi, hụi gồm 15 phần (08 hụi viên) được thể hiện trong danh sách hụi viên bà T cung cấp và lời xác nhận của các hụi viên cùng tham gia dây hụi trên tại các biên bản lấy lời khai người làm chứng, anh Hoàng A hốt hụi ở kỳ thứ 1, đã được bà T, ông L đăng hụi theo giấy “Biên nhận mượn tiền ký nợ nhận” ngày 09/3/2014 có chữ ký của anh Hoàng A và chị C. Sau khi hốt hụi, anh Hoàng A không đóng cho bà T, ông L được kỳ hụi chết nào, nên còn nợ bà T, ông L 14 kỳ hụi chết, thành tiền là $14 \times 3.000.000 = 42.000.000$ đồng. Ngoài ra, trong giấy nhận mượn tiền ký nợ nhận ngày 09/3/2014 còn thể hiện nội dung thiếu 800.000 đồng tiền nợ cũ. Căn cứ vào Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định anh Hoàng A có nợ bà T, ông L số tiền hụi 42.800.000 đồng.

Mặc dù anh Hoàng A và chị C đã ly hôn từ năm 2013 theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2013/QĐST-

HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2013 nhưng qua xác minh sau khi ly hôn anh Hoàng A và chị C có thời gian sống chung lại từ cuối năm 2013 đến năm 2015 và có thêm 01 con chung sinh năm 2015. Mặc khác, trong biên nhận mượn tiền ký nợ nhận ngày 09/3/2014 có chữ ký của chị C nên có căn cứ xác định chị C cùng tham gia chơi hụi với anh Hoàng A trong thời gian anh, chị chung sống như vợ chồng và cùng nợ bà T, ông L tiền hụi 42.800.000 đồng.

Do đó, yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận, cần buộc anh Hoàng A và chị C có trách nhiệm trả cho bà T, ông L số tiền hụi gốc là 42.800.000 đồng là phù hợp với pháp luật.

[3] Về yêu cầu tính tiền lãi của bà T: Tại phiên tòa, bà T tự nguyện rút yêu cầu tính tiền lãi hụi, việc rút yêu cầu này là tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của bà T là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên anh Hoàng A, chị C phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Hoàng A, chị Nguyễn Thị Hồng C về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc anh Nguyễn Hoàng A, chị Nguyễn Thị Hồng C cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Xuân L số tiền hụi là 42.800.000 (bốn mươi hai triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Xuân L cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn Hoàng A, chị Nguyễn Thị Hồng C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Hoàng A, chị Nguyễn Thị Hồng C về số tiền lãi là 17.724.600 (mười bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm) đồng.

2/ Về án phí:

Anh Nguyễn Hoàng A, chị Nguyễn Thị Hồng C phải chịu 2.140.000 (hai triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà T số tiền 1.588.000 (một triệu năm trăm tám mươi tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp tại biên lai thu số 0024957 ngày 04/12/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Phạm Thị Xuân Lan